

A. ĐẶT VẤN ĐỀ**CÁC VẤN ĐỀ CHUNG LÀM CƠ SỞ CHO SÁNG KIẾN****I. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến:**

Bác Hồ thường nói:

“Vì sự nghiệp 10 năm trồng cây
Vì lợi ích trăm năm trồng người”

Dạy học là một quá trình nan giải và lâu dài, đòi hỏi những nhà giáo dục phải công phu, bền bỉ. Đặc biệt, ở trường Tiểu học, đối tượng học sinh còn nhỏ, tuổi đời còn non nớt, nên nhiệm vụ của người giáo viên càng đòi hỏi cao hơn, có trách nhiệm nhiều hơn. Học sinh được học tất cả các môn học qui định.

Song Toán học là bộ môn khoa học tự nhiên, môn toán là một môn rất quan trọng không thể thiếu được trong cuộc sống hàng ngày của mỗi chúng ta. Là chìa khoá để mở cửa cho các môn học khác. Bởi vậy, trong chương trình Toán ở Tiểu học đã góp phần rất quan trọng, nó là cơ sở, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình học tập của học sinh và còn có tác dụng mãi mãi về sau này.

Để hiểu sâu sắc và có lòng ham mê với bộ môn này, thực sự là một khó khăn, vì bộ môn này thường khô khan.

Bản thân tôi nhiều năm làm công tác giáo dục, mấy năm liền được giảng dạy môn Toán lớp 4, tôi nhận thấy vấn đề dạy Toán cho Học sinh lớp 4 là một vấn đề hết sức quan trọng. Mỗi dạng Toán lại có cách tìm tòi, phát triển các cách giải khác nhau.

Song xét trên thực tế giảng dạy của cá nhân tôi và các bạn đồng nghiệp, tôi thấy việc rèn kĩ năng giải Toán cho học sinh lớp 4 có rất nhiều thú vị mà mỗi giáo viên phải tự tìm tòi các cách giải riêng cho đối tượng học sinh mà mình cần truyền đạt. Xuất phát từ thực tế trên tôi đã chọn đề tài:

“MỘT SỐ BIỆN PHÁP RÈN KĨ NĂNG GIẢI TOÁN CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU” lớp 4

II. Mục tiêu của sáng kiến:

Công tác bồi dưỡng HS năng khiếu các môn văn hóa là một công tác mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, tạo nguồn lực, bồi dưỡng nhân tài cho nhà trường nói riêng, cho địa phương – cho đất nước nói chung.

Tôi nhận thấy việc áp dụng **“MỘT SỐ BIỆN PHÁP RÈN KĨ NĂNG GIẢI TOÁN CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU”** lớp 4 là một trong những vấn đề trung tâm của phương pháp giảng dạy. Bởi lẽ những vấn đề này không xa lạ đối với người giáo viên. Trong tất cả các sản phẩm của người lao động thì riêng sản phẩm của nghề giáo dục chúng ta không cho phép có sản phẩm kém chất lượng. Nói như vậy có nghĩa là nhiệm vụ của chúng ta phải đào tạo những con người phát triển toàn diện.

Thực chất **“MỘT SỐ BIỆN PHÁP RÈN KĨ NĂNG GIẢI TOÁN CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU”** lớp 4 là nội dung cơ bản trong nội dung dạy học Toán ở bậc Tiểu học. Việc giảng dạy Toán cho HS lớp 4 rất có tác dụng cho HS học toán lớp 5 và các môn của bậc THCS. Nó đã góp phần làm cho hoạt động giải toán thêm phong phú.

Nên việc áp dụng **“MỘT SỐ BIỆN PHÁP RÈN KĨ NĂNG GIẢI TOÁN CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU”** lớp 4 là vô cùng cần thiết. Với mục đích nghiên cứu đó, tôi rất muốn

góp phần nâng cao , cải tiến phương pháp dạy học “*MỘT SỐ BIỆN PHÁP RÈN KỸ NĂNG GIẢI TOÁN CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU*” lớp 4 Trường Tiểu học tôi đang công tác .

III. Khách thể và đối tượng nghiên cứu :

a. Khách thể : Phương pháp dạy học môn Toán lớp 4.

b. Đối tượng nghiên cứu:

“*MỘT SỐ BIỆN PHÁP RÈN KỸ NĂNG GIẢI TOÁN CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU*” lớp 4 .

IV. THỜI GIAN- PHẠM VI NGHIÊN CỨU:

1. Thời gian: Trong năm học 2023- 2024

2. Phạm vi nghiên cứu:

- Số lượng học sinh lớp 4C - Trường Tiểu học Phú Phương tôi đang công tác gồm 34 em.

- Địa bàn nghiên cứu : Trường Tiểu học Phú Phương.

- Nội dung nghiên cứu: “*MỘT SỐ BIỆN PHÁP RÈN KỸ NĂNG GIẢI TOÁN CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU*” lớp 4 .

B. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU- BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

I. Hiện trạng của vấn đề:

Trước đây việc dạy “*RÈN KỸ NĂNG GIẢI TOÁN CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU*” lớp 4 còn được coi nhẹ , hơn nữa dạy giải Toán ở Tiểu học còn cung cấp cho học sinh những hiểu trong cuộc sống. Song bên cạnh đó vẫn còn một số em nắm kiến thức của bài học còn chưa sâu sắc và không tưởng tượng được trong thực tế.

Để nâng cao chất lượng dạy và học, đồng thời để đào tạo bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, việc bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ ở cấp Tiểu học là rất cần thiết đặc biệt là ở lứa tuổi học sinh lớp 4. Bản thân tôi nhiều năm liền luôn được nhà trường tin tưởng giao cho việc bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu nên tôi đã dành nhiều thời gian nghiên cứu, tìm tòi, đúc rút kinh nghiệm để làm sao việc bồi dưỡng đem lại hiệu quả.

1. Thuận lợi

- Học sinh lớp 4 rất ham mê học môn Toán; các em rất thích khám phá những bài toán khó.

- Phụ huynh cũng rất quan tâm đến việc học tập của con em mình.

- Môi trường giao tiếp, bố mẹ, phương tiện thông tin đại chúng, cô giáo...

- Nhà trường đầu tư cơ sở vật chất: Bộ đồ dùng học tập, máy chiếu, phòng học....cho học sinh.

- Nhà trường, ngành giáo dục quan tâm đến chất lượng học tập của các em ngay từ cấp Tiểu học.

2. Khó khăn

Qua khảo sát các em vào năm học trước chúng tôi nhận thấy các em học sinh lớp 4 gặp rất nhiều khó khăn:

- Một số em chưa xác định được rõ từng dạng toán.

- Một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em mình.

3. Thực trạng ban đầu

Qua cơ sở điều tra ban đầu tôi thấy chất lượng học sinh phần lớn là nắm các yếu tố giải Toán còn chưa sâu sắc, chưa biết cách suy luận nhiều. Chính vì thế mà mục đích dạy Toán cho học sinh lớp 4 - Học sinh bước vào giai đoạn 2 của cấp tiểu học là cần thiết nhằm cung cấp cho các em những hiểu biết cần thiết để chuẩn bị cho việc học Toán lớp 5 và ở bậc THCS. Có lẽ vì những phạm vi kiến thức như vậy đã làm cho nội dung dạy phần “*RÈN KĨ NĂNG GIẢI TOÁN CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU*” lớp 4 trở nên phong phú và hấp dẫn đối với bản thân tôi.

4. Kết quả khảo sát :

Cô thÓ ÒiÒu tra chÊt l-êng Òác cña hãc sinh líp 4C ÒÇu n`m hãc 2023 -2024 nuy, t«i cã sè liÒu cô thÓ nh- sau:

Lớp	Số số	Điểm 9; 10		Điểm 7; 8		Điểm 5; 6		Điểm dưới 5	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4C	34	6	17,6	8	23,5	13	38,2	7	20,6

II. Các biện pháp thực hiện và giải quyết vấn đề:

Dạy học là một nghệ thuật. Đó là nghệ thuật sáng tạo tư duy của mỗi người giáo viên. Để góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy của bộ môn Toán, đặc biệt là dạy phần “*RÈN KĨ NĂNG GIẢI TOÁN CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU*” lớp 4 tôi đã áp dụng một số biện pháp đối với từng dạng toán như sau:

1. BiÖn ph,p 1: Chia số hs thành các đối tượng: Sau khi nhËn líp, t«i Ò· æn Ò·nh chung tæ chøc líp. Qua t×m hiÖu ÒiÒu tra ÒÓ n¾m ch¾c Òèi t-êng hãc sinh vù lùa chãn, ÒÆc biÖt lù vÒ kÛ n`ng tính toán vù phÇn lo`i hãc sinh theo ba Òèi t-êng:

§èi t-êng 1: Hãc sinh có năng khiếu về môn toán (Hoàn thành tốt): Em Nguyễn Minh Ánh; Hoàng Nguyên Giáp; Đỗ Đức Bảo; Lê Thị Bảo Khánh....

§èi t-êng 2: Hãc sinh hạn chế về năng lực và phẩm chất (Hs chưa hoàn thành): Em Lê Hồng Sơn, Khánh Hưng, Bảo Minh,...

§èi t-êng 3: Hãc sinh Òạt mức độ hoàn thành: Em Nguyễn Hương Giang, Thực Hiền, Gia Huy,...

Trên cơ sở Òã, t«i Ò· s¾p xÕp chøc cho hãc sinh nh÷ng em Òác yÖu ngãi c`nh nh÷ng em học kh., học tèt ÒÓ Ò«i b`n cöng tiÖn.

2. Biện pháp 2: Bám sát kế hoạch và sự chỉ đạo của Phòng giáo dục và Ban giám hiệu nhà trường. Từ đó tư vấn cho phụ huynh và học sinh đăng kí mua gói học Vioedu cho các em hs:

- Tổ chức họp phụ huynh, lồng ghép phổ biến, tuyên truyền cho họ nắm được kế hoạch của cấp trên

- Phân tích để phụ huynh và học sinh nắm rõ về tác dụng của mua gói học:

80 000 đồng/ tháng: 30 ngày.

Mỗi ngày phụ huynh chỉ phải chi cho các cháu gần 2700 đồng. Đổi lại các cháu được học ôn luyện kiến thức. Tránh đi chơi sa đà vào những thói hư khác....

- Đăng kí mua gói học giúp phụ huynh.

Lớp tôi chủ nhiệm có rất nhiều phụ huynh đăng kí mua gói học (MINH CHỨNG 1)

3. Biện pháp 3: Xác định chương trình học trong cả năm học:

Ngay từ những ngày tập huấn thay SGK tôi đã nghiên cứu, tham khảo chương trình môn Toán trong bộ sách Kết nối tri thức.

Tôi tiến hành công việc tiếp theo là gửi thiều cầu cho các đồng nghiệp môn toán ở các em năm 4m để các thầy cô chỉ định trong tổng các kỳ và cuối năm học. Sắp xếp như thế nào để quan trọng, yêu cầu cơ bản và việc rèn luyện kỹ năng học môn Toán giúp các em thấy được chương trình học của tổng chương.

- Hướng dẫn mọi em rằng một quy định sẽ tay toán học để ghi nhận kiến thức cần nhớ trong quá trình học.

1. SỐ TỰ NHIÊN

1.1 Số và chữ số: Trong phạm vi 100 000

1.2. Số chẵn, số lẻ.

Trong các số dưới đây, số nào là số chẵn, số nào là số lẻ?

12; 315; 108; 72; 71; 649; 113; 194; 656; 107.

Phương pháp giải:

- Các số có chữ số tận cùng là: 0; 2; 4; 6; 8 là các số chẵn.

- Các số có chữ số tận cùng là: 1; 3; 5; 7; 9 là các số lẻ

Lời giải chi tiết:

- Các số chẵn là: 12; 108; 194; 656; 72.

- Các số lẻ là: 315; 71; 649; 113; 107.

1.3. Giải bài toán có 3 bước tính.

Ví dụ: Mai đến cửa hàng văn phòng phẩm mua 5 quyển vở, mỗi quyển giá 8 000 đồng và mua 2 hộp bút chì màu, mỗi hộp giá 25 000 đồng. Hỏi Mai phải trả cô bán hàng tất cả bao nhiêu tiền?

Phương pháp giải:

Bước 1: Tính giá tiền 5 quyển = giá tiền mỗi quyển vở x 5.

Bước 2: Tính giá tiền 2 hộp bút chì màu = giá tiền mỗi hộp bút chì màu x 2.

Bước 3: Tính số tiền Mai phải trả = giá tiền 5 quyển vở + giá tiền 2 hộp bút chì màu.

Lời giải chi tiết:

Tóm tắt:	Bài giải:
1 quyển vở: 8 000 đồng	5 quyển vở có giá là:
1 hộp bút chì màu: 25 000 đồng	$8\,000 \times 5 = 40\,000$ (đồng)
5 quyển vở và 2 hộp bút chì màu:? đồng?	2 hộp bút chì màu có giá là:
	$25\,000 \times 2 = 50\,000$ (đồng)
	Mai phải trả cô bán hàng số tiền là:
	$40\,000 + 50\,000 = 90\,000$ (đồng)
	Đáp số: 90 000 đồng.

2. BIỂU THỨC**A. Các loại biểu thức thường gặp**

1. Biểu thức có chứa một chữ
2. Biểu thức có chứa hai chữ

B. Cách tính giá trị của biểu thức

1. Biểu thức không có dấu ngoặc đơn chỉ có phép cộng và phép trừ (hoặc chỉ có phép nhân và phép chia) thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.
2. Biểu thức không có dấu ngoặc đơn, có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì ta thực hiện các phép tính nhân, chia trước rồi thực hiện các phép tính cộng trừ sau.
3. Biểu thức có dấu ngoặc đơn thì ta thực hiện các phép tính trong ngoặc đơn trước, các phép tính ngoài dấu ngoặc đơn sau.

3. BỐN PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN**A. PHÉP CỘNG**

1. Tính chất giao hoán: $a + b = b + a$
2. Tính chất kết hợp của phép cộng: $a + (b + c) = (a + b) + c = (a + c) + b$
3. Cộng với 0: $a + 0 = 0 + a = a$

B. PHÉP TRỪ

1. $a - (b + c) = (a - c) - b = (a - b) - c$
2. Nếu số bị trừ và số trừ cùng tăng (hoặc giảm) n đơn vị thì hiệu không đổi.
3. Nếu số bị trừ được gấp lên n lần và giữ nguyên số trừ thì hiệu được tăng thêm một số đúng bằng $(n - 1)$ lần số bị trừ ($n > 1$).
4. Nếu số bị trừ giữ nguyên, số trừ được gấp lên n lần thì hiệu bị giảm đi $(n - 1)$ lần số trừ ($n > 1$).
5. Nếu số bị trừ được tăng thêm n đơn vị, số trừ giữ nguyên thì hiệu tăng lên n đơn vị.
6. Nếu số bị trừ tăng lên n đơn vị, số trừ giữ nguyên thì hiệu giảm đi n đơn vị.

C. PHÉP NHÂN

1. Tính chất giao hoán $a \times b = b \times a$
2. Tính chất kết hợp $a \times (b \times c) = (a \times b) \times c = (a \times c) \times b$
3. Nhân với 0 $a \times 0 = 0 \times a = 0$
4. Nhân với 1 $a \times 1 = 1 \times a = a$
5. Tính chất phân phối của phép nhân với phép cộng: $a \times (b + c) = a \times b + a \times c$
6. Tính chất phân phối của phép nhân với phép trừ: $a \times (b - c) = a \times b - a \times c$
7. Trong một tích nếu một thừa số được gấp lên n lần đồng thời có một thừa số khác bị giảm đi n lần thì tích không thay đổi.
8. Trong một tích có một thừa số được gấp lên n lần, các thừa số còn lại giữ nguyên thì tích được gấp lên n lần và ngược lại nếu trong một tích có một thừa số bị giảm đi n lần, các thừa số còn lại giữ nguyên thì tích cũng bị giảm đi n lần. ($n > 0$)
9. Trong một tích, nếu một thừa số được gấp lên n lần, đồng thời một thừa số được gấp lên m lần thì tích được gấp lên $(m \times n)$ lần. Ngược lại nếu trong một tích một thừa số bị giảm đi m lần, một thừa số bị giảm đi n lần thì tích bị giảm đi $(m \times n)$ lần (m và n khác 0).

D. PHÉP CHIA

1. $a : (b \times c) = a : b : c = a : c : b$ ($b, c > 0$)
2. $0 : a = 0$ ($a > 0$)

3. $a : c - b : c = (a - b) : c \ (c > 0)$

4. $a : c + b : c = (a + b) : c \ (c > 0)$

5. Trong phép chia, nếu số bị chia tăng lên (giảm đi) n lần ($n > 0$) đồng thời số chia giữ nguyên thì thương cũng tăng lên (giảm đi) n lần.

6. Trong một phép chia, nếu tăng số chia lên n lần ($n > 0$) đồng thời số bị chia giữ nguyên thì thương giảm đi n lần và ngược lại.

4. DÃY SỐ

4.1. Đối với số tự nhiên liên tiếp

a) Dãy số tự nhiên liên tiếp bắt đầu là số chẵn kết thúc là số lẻ hoặc bắt đầu là số lẻ và kết thúc bằng số chẵn thì số lượng số chẵn bằng số lượng số lẻ.

b) Dãy số tự nhiên liên tiếp bắt đầu bằng số chẵn và kết thúc bằng số chẵn thì số lượng số chẵn nhiều hơn số lượng số lẻ là 1.

c) Dãy số tự nhiên liên tiếp bắt đầu bằng số lẻ và kết thúc bằng số lẻ thì số lượng số lẻ nhiều hơn số lượng số chẵn là 1.

4.2. Một số quy luật của dãy số thường gặp

a) Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 2) bằng số hạng đứng liền trước nó cộng hoặc trừ một số tự nhiên.

b) Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 2) bằng số hạng đứng liền trước nó nhân hoặc chia một số tự nhiên.

c) Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 3) bằng tổng hai số hạng đứng liền trước nó.

4.3. Dãy số cách đều

**) Tìm số số hạng của dãy số cách đều*

$$\text{Số số hạng} = (\text{Số cuối} - \text{Số đầu}) : \text{Khoảng cách giữa hai số hạng liên tiếp} + 1$$

**) Tính tổng của dãy số cách đều:* $\text{Tổng} = (\text{Số đầu} + \text{Số cuối}) \times \text{Số số hạng} : 2$

5. MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG:

BẢNG ĐƠN VỊ ĐO KHỐI LƯỢNG: YÊN, TẠ, TẤN

Lớn hơn ki-lô-gam	Ki-lô-gam	Bé hơn ki-lô-gam
-------------------	-----------	------------------

tấn	tạ	yến	kg	hg	dag	g
1 tấn = 10 tạ = 1000kg	1 tạ = 10 yến	1 yến = 1 kg	1 kg = 10hg = 100dag = 1000g	1 hg = 10 dag = 100g	1 dag = 10g = hg	1g

Nhận xét: Mỗi đơn vị đo khối lượng đều gấp 10 lần đơn vị bé hơn, liền nó.

ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG; MÉT VUÔNG; MI-LI-MÉT VUÔNG.

Cần nhớ:

- Đề - xi – mét vuông** là diện tích 1 hình vuông có cạnh dài 1 dm. **Viết tắt:** dm²
- Mét vuông** là diện tích 1 hình vuông có cạnh dài 1 m. **Viết tắt:** m²
- Mi- li- mét vuông** là diện tích 1 hình vuông có cạnh dài 1 mm. **Viết tắt:** mm²

$$1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$$

$$1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2 = 10000 \text{ cm}^2$$

$$1 \text{ cm}^2 = 100 \text{ mm}^2$$

Ví dụ 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $3 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$	b) $2 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$
$2 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$	$4 \text{ m}^2 33 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$
$400 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$	$6 \text{ m}^2 14 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

Phương pháp giải: Dựa vào cách đổi: $1 \text{ m}^2 = 100 \text{ ndm}^2$

Ví dụ 2: Bác Hai trồng dưa hấu trong một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 20 m, chiều rộng 50 dm. Tính diện tích khu vườn dưa hấu của bác Hai.

Phương pháp giải: Đổi 50 dm sang đơn vị mét Diện tích khu vườn = chiều dài x chiều	Lời giải chi tiết: Đổi $50 \text{ dm} = 5 \text{ m}$ Diện tích khu vườn dưa hấu là: $20 \times 5 = 100 \text{ (m}^2\text{)}$
---	---

rộng (cùng đơn vị đo)

Đáp số: 100 m²**GIẤY, THẺ KỈ**

a) Giấy: 1 giờ = 60 phút; 1 phút = 60 giây

b) Thẻ kỉ: 1 thẻ kỉ = 100 năm

6. BÀI TOÁN TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

- Cách tìm số trung bình cộng: Ta tính tổng của các số đó rồi lấy tổng đó chia cho số các số hạng.
- Số trung bình cộng của dãy cách đều: (số đầu + số cuối) : 2

7. PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

1. Nhân; chia với số có 1; 2 chữ số
2. Tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân; phân phối của phép nhân đối với phép cộng...
3. Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.

8. PHÂN SỐ**1. Phân số là gì ?****2. Tính cơ bản của phân số**

2.1. Khi ta cùng nhân hoặc cùng chia cả tử và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên lớn hơn 1, ta được một phân số mới bằng phân số ban đầu.

2.2. Vận dụng tính chất cơ bản của phân số:

- a. Rút gọn phân số
- b. Quy đồng mẫu số - Quy đồng tử số:

II. Bốn phép tính với phân số**1. Phép cộng phân số**

- * Hai phân số khác mẫu số: Mẫu số của phân số này chia hết cho mẫu số của p/ số kia
- * Cộng một số tự nhiên với một phân số.

b. Tính chất cơ bản của phép cộng: Áp dụng của số tự nhiên đối với phân số.

2. Phép trừ phân số

* Hai phân số khác mẫu số: Mẫu số của phân số này chia hết cho mẫu số của phân số kia: Quy đồng mẫu số 2 phân số rồi đưa về trường hợp trừ 2 phân số cùng mẫu số

3. Phép nhân phân số

4. Phép chia phân số

III. So sánh phân số

1. So sánh phân số bằng cách quy đồng mẫu số, quy đồng tử số
2. So sánh phân số với phân số trung gian
3. So sánh phân bù
4. So sánh phần thừa

9. GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC

ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC, ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

I. Góc tù, góc nhọn, góc bẹt.

II. Hai đường thẳng vuông góc; hai đường thẳng song song.

III. Hình bình hành, hình thoi.

10. LÀM QUEN VỚI YẾU TỐ THỐNG KÊ, XÁC SUẤT

- 1) Dãy số liệu thống kê.
- 2) Biểu đồ cột
3. Số lần xuất hiện của một sự kiện

4. *Biện pháp 4: Rút ra những kiến thức cần ghi nhớ sau mỗi bài học:*

Sau mỗi dạng toán tôi cho hs tự trao đổi, rút ra kiến thức cần nhớ và ghi vào vở (sổ tay riêng) để các em có tư liệu học những dạng toán sau:

Chẳng hạn:

Dạng toán về BIỂU THỨC

A. Các loại biểu thức thường gặp

1. Biểu thức có chứa một chữ

Ví dụ: $3 + a$ là biểu thức có chứa một chữ

+ Nếu $a = 1$ thì $3 + a = 3 + 1 = 4$; 4 là giá trị của biểu thức $3 + a$

+ Nếu $a = 2$ thì $3 + a = 3 + 2 = 5$; 5 là giá trị của biểu thức $3 + a$

+ Nếu $a = 3$ thì $3 + a = 3 + 3 = 6$; 6 là giá trị của biểu thức $3 + a$

2. Biểu thức có chứa hai chữ

Ví dụ: $a + b$ là biểu thức có chứa hai chữ

+ Nếu $a = 3$ và $b = 2$ thì $a + b = 3 + 2 = 5$; 5 là giá trị của biểu thức $a + b$

+ Nếu $a = 4$ và $b = 0$ thì $a + b = 4 + 0 = 4$; 4 là giá trị của biểu thức $a + b$

+ Nếu $a = 0$ và $b = 1$ thì $a + b = 0 + 1 = 1$; 1 là giá trị của biểu thức $a + b$

Mỗi lần thay chữ số bằng số ta tính được một giá trị của biểu thức $a + b$.

B. Cách tính giá trị của biểu thức

1. Biểu thức không có dấu ngoặc đơn chỉ có phép cộng và phép trừ (hoặc chỉ có phép nhân và phép chia) thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.

Ví dụ:

a) $542 + 123 - 79 = 665 - 79 = 586$

b) $482 \times 2 : 4 = 964 : 4 = 241$

2. Biểu thức không có dấu ngoặc đơn, có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì ta thực hiện các phép tính nhân, chia trước rồi thực hiện các phép tính cộng trừ sau.

Ví dụ: $27 : 3 - 4 \times 2 = 9 - 8 = 1$

3. Biểu thức có dấu ngoặc đơn thì ta thực hiện các phép tính trong ngoặc đơn trước, các phép tính ngoài dấu ngoặc đơn sau.

Ví dụ: $25 \times (21 + 120) = 25 \times 141 = 3525$

Dạng toán về Số chẵn- số lẻ: DẤU HIỆU CHIA HẾT

Chia hết cho 2

Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2.

Ví dụ:

12, 14, 16, 18 là những số chia hết cho 2 vì có chữ số tận cùng là 2, 4, 6, 8

11, 13, 15, 17 là những số không chia hết cho 2 vì có chữ số tận cùng là 1, 3, 5, 7

- Số chia hết cho 2 là số chẵn.

- Số không chia hết cho 2 là số lẻ.

Dạng toán về BÀI TOÁN TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU

1. Quy tắc & công thức tính tổng hiệu lớp 4

Quy tắc:

Cách 1: Số lớn = (tổng + hiệu): 2 Số bé = số lớn – hiệu (hoặc = tổng – số lớn)	Cách 2: Số bé = (tổng – hiệu) : 2 Số lớn = số bé + hiệu (hoặc = tổng – số bé)
--	---

2. Hướng dẫn giải các dạng bài tập toán tổng hiệu lớp 4

2.1 Biết cả tổng lẫn hiệu

$$\text{Số lớn} = (\text{tổng} + \text{hiệu}) : 2$$

Số bé = số lớn – hiệu (hoặc bằng tổng - số lớn)

Số bé = (tổng - hiệu) : 2

Số lớn = số bé + hiệu (hoặc bằng tổng - số bé)

Ví dụ về tổng hiệu lớp 4:

Tổng của hai số là 70, và hiệu của hai số sẽ là 10, tìm hai số đó.

Hướng dẫn giải:

Số lớn là: $(70 + 10) : 2 = 40$

Số bé là: $40 - 10 = 30$

Đáp số: Số lớn: 40

Số bé: 30.

2.2 Biết tổng nhưng chưa biết hiệu

Cách làm: Giải bài toán phụ để tìm ra Hiệu sau đó hãy áp dụng công thức như ở dạng 1.

Ví dụ về toán tổng hiệu lớp 4:

Hòa và Bình có tất cả là 120 viên bi, biết rằng nếu như Hòa cho Bình 10 viên bi thì khi đó số viên bi của hai bạn sẽ bằng nhau. Vậy mỗi bạn sẽ có tất cả là bao nhiêu viên bi?

Hướng dẫn giải:

Hòa cho Bình 10 viên bi thì khi đó số viên bi của hai bạn sẽ bằng nhau như vậy thì Hòa hơn Bình số viên bi là: $10 + 10 = 20$ (viên)

Hòa có số viên bi tất cả là: $(120 + 20) : 2 = 70$ (viên)

Bình có số viên bi tất cả là: $(120 - 20) : 2 = 50$ (viên)

2.3 Biết hiệu nhưng chưa biết tổng

Cách làm: Giải bài toán phụ để tìm ra được Tổng sau đó áp dụng công thức như ở dạng 1.

Ví dụ: về bài toán tổng hiệu lớp 4

Trung bình cộng của hai số là 145, hãy tìm hai số đó khi biết hiệu hai số đó là 30.

Hướng dẫn giải:

Tổng của cả hai số là: $145 \times 2 = 290$

Số lớn: $(290 + 30) : 2 = 160$

Số bé: $(290 - 30) : 2 = 130$

2.4 Chưa biết cả tổng lẫn hiệu

Cách làm: Giải bài toán phụ để tìm ra Tổng và Hiệu sau đó hãy áp dụng công thức như

ở dạng 1.

Ví dụ: Tìm hai số có tổng sẽ là số lớn nhất có 4 chữ số và hiệu là số lẻ bé nhất và có 3 chữ số.

Hướng dẫn giải:

Tổng của hai số lớn nhất có 4 chữ số đó là: 9999

Hiệu của hai số bé nhất và lẻ đó là: 101

Số lớn sẽ là: $(999 + 101) : 2 = 550$

Số bé sẽ là: $(999 - 101) : 2 = 449$

3. Một số bài tập tìm hai số khi biết tổng và hiệu thực hành

Bài 1. Tuổi bố và tuổi của con cộng lại được 58 tuổi, bố hơn con 38 tuổi. Vậy hỏi bố bao nhiêu tuổi và con là bao nhiêu tuổi?

Bài 2. Một lớp học có 28 em học sinh, trong đó số học sinh nam hơn số học sinh nữ là 4 em. Hỏi lớp học đó sẽ có bao nhiêu học sinh nam và bao nhiêu học sinh nữ?

Bài 3. Một hình chữ nhật có hiệu của hai cạnh liên tiếp là 24 cm và có tổng của chúng là 92 cm. Hãy tính diện tích của hình chữ nhật đã cho ở bên trên

Bài 4. Hai ông cháu hiện nay được biết có tổng số tuổi là 68, biết rằng cách đây 5 năm thì cháu kém ông 52 tuổi, hãy tính số tuổi của mỗi người hiện tại.

4. Biện pháp 4: Thường xuyên trao đổi thông tin tới các vị phụ huynh .

- Mỗi tuần ban chỉ đạo thi Vioedu sẽ đưa kế hoạch lên nhóm Zalo. Tôi luôn bám sát các tin nhắn chỉ đạo trên zalo của nhóm Vioedu để chuyển tiếp tới các phụ huynh. Từ đó nhắc nhở con em mình tham gia thi các vòng tự luyện tại trường vào khung giờ 10h sáng thứ hai hàng tuần học, thi đúng giờ và đạt kết quả.

- Sau mỗi tuần thi, các em sẽ biết ngay kết quả và nhà trường tổng hợp với cô giáo để giáo viên nắm bắt được và động viên, bổ sung kiến thức mà các em còn thiếu hụt.

(MINH CHỨNG 2)

5. Biện pháp 5: Bám vào chủ đề ôn luyện của từng tuần.

Bản thân tôi luôn bám sát các chủ đề trong tuần, ôn luyện cho học sinh theo các chủ đề đó.

Chẳng hạn:

Chủ đề: TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

Kiến thức cần nhớ: Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số, ta tính tổng của các số đó, rồi lấy tổng đó chia cho số các số hạng.

Ví dụ. Tìm số trung bình cộng của các số sau:

a) 42 và 54

b) 46, 72 và 59

Bài giải

a) Trung bình cộng của hai số 42 và 54 là:

$$\frac{42 + 54}{2} = 48$$

b) Trung bình cộng của ba số 46, 72 và 59 là:

$$\frac{46 + 72 + 59}{3} = 59$$

Đáp số: a) 48 b) 59

*) Số trung bình cộng của dãy cách đều: (số đầu + số cuối) : 2

2. Ví dụ

2.1. Tính trung bình cộng của dãy số: 5, 10, 15, 20, ..., 95, 105

Bài giải

Trung bình cộng của dãy số trên là:

$$(5 + 105) : 2 = 55$$

Đáp số: 55

2.2: Cho HS tham gia giải toán theo chủ đề Vioedu: **MINH CHỨNG 3**

CHỦ ĐỀ: Dãy số**1. Đối với số tự nhiên liên tiếp**

a) Dãy số tự nhiên liên tiếp bắt đầu là số chẵn kết thúc là số lẻ hoặc bắt đầu là số lẻ và kết thúc bằng số chẵn thì số lượng số chẵn bằng số lượng số lẻ.

b) Dãy số tự nhiên liên tiếp bắt đầu bằng số chẵn và kết thúc bằng số chẵn thì số lượng số chẵn nhiều hơn số lượng số lẻ là 1.

c) Dãy số tự nhiên liên tiếp bắt đầu bằng số lẻ và kết thúc bằng số lẻ thì số lượng số lẻ nhiều hơn số lượng số chẵn là 1.

2. Một số quy luật của dãy số thường gặp

a) Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 2) bằng số hạng đứng liền trước nó cộng hoặc trừ một số tự nhiên.

Ví dụ: 2, 5, 8, 11, ...

Dãy số trên được viết theo quy luật: Số hạng đứng liền sau bằng số hạng đứng liền trước cộng với 3.

b) Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 2) bằng số hạng đứng liền trước nó nhân hoặc chia một số tự nhiên.

Ví dụ: 1024, 512, 256, 128, ...

Dãy số trên được viết theo quy luật: Số hạng đứng liền sau bằng số hạng đứng liền trước chia cho 2.

c) Mỗi số hạng (kể từ số hạng thứ 3) bằng tổng hai số hạng đứng liền trước nó.

Ví dụ: 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, ...

Dãy số được viết theo quy luật: Từ số hạng thứ ba, số hạng đứng sau bằng tổng hai số hạng đứng liền trước nó ($3 = 2 + 1$, $5 = 3 + 2$, $8 = 5 + 3$,)

3. Dãy số cách đều

***) Tìm số số hạng của dãy số cách đều**

Số số hạng = (Số cuối – Số đầu) : Khoảng cách giữa hai số hạng liên tiếp + 1

Ví dụ. Tìm số số hạng của dãy số: 1, 4, 7, 10, 13, 16, 19, ..., 94, 97, 100

Bài giải

Số số hạng của dãy số đã cho là:

$$(100 - 1) : 3 + 1 = 34 \text{ (số hạng)}$$

Đáp số: 34 số hạng

***) Tính tổng của dãy số cách đều**

Tổng = (Số đầu + Số cuối) $\times$ Số số hạng : 2

Ví dụ 1: Tính tổng của dãy số: 1, 4, 7, 10, 13, 16, 19, ..., 94, 97, 100

Bài giải

Số số hạng của dãy số trên là: 34 số hạng

Tổng của dãy số trên là:

$$(100 + 1) \times 34 : 2 = 1717$$

Đáp số: 1717

Một số ví dụ : Cho HS giải toán theo chủ đề Vioedu (**MINH CHỨNG 3**)

Một số bài toán thường gặp nữa:

1. Một người viết liên tiếp nhóm chữ CHAMHOCCHAMLAM thành dãy:
CHAMHOCCHAMLAM CHAM HOCCHAMLAM...

a. Chữ cái thứ 2013 là chữ gì? Vì sao?

b) Bạn Lan đếm được trong dãy có 2013 chữ H. Hỏi bạn ấy đếm đúng hay sai? Vì sao?

Giải:

Nhóm chữ CHAMHOCCHAMLAM có 14 chữ cái.

$2013 : 14 = 143$ (dư 11)

Như vậy, chữ cái thứ 2013 trong dãy là chữ thứ 11 của nhóm chữ 144. Chữ đó là chữ M.

2. Một người viết liên tiếp nhóm chữ TOQUOCVIETNAM thành dãy:

TOQUOCVIETNAMTOQUOCVIETNAM ...

a, Chữ cái thứ 2007 trong dãy là chữ gì? Vì sao?

b) Bạn Lan đếm được trong dãy có 2007 chữ M. Hỏi bạn ấy đếm đúng hay sai? Vì sao?

3. Một bạn học sinh viết liên tiếp các nhóm chữ EM HOC TOAN thành dãy liên tiếp EM HOC TOAN EM HOC TOAN... Hỏi: Chữ cái thứ 2010 là chữ gì ?

CHỦ ĐỀ: PHÉP CỘNG PHÂN SỐ

* Cộng hai phân số cùng mẫu:

$$\frac{a}{b} + \frac{c}{b} = \frac{a+c}{b} \quad (b \neq 0)$$

Ví dụ: $\frac{3}{7} + \frac{2}{7} = \frac{3+2}{7} = \frac{5}{7}$

* Hai phân số khác mẫu số: Mẫu số này chia hết cho mẫu số kia

- Quy đồng mẫu số 2 phân số rồi đưa về trường hợp cộng 2 phân số có cùng mẫu số.

- Muốn cộng hai phân số khác mẫu số, trước hết ta quy đồng mẫu số của chúng, sau đó cộng tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số chung:

Ví dụ: $\frac{3}{5} + \frac{4}{3} = \frac{9}{15} + \frac{20}{15} = \frac{9+20}{15} = \frac{29}{15}$

* Cộng một số tự nhiên với một phân số.

- Viết số tự nhiên thành phân số có mẫu số bằng mẫu số của phân số đã cho.

- Cộng hai tử số và giữ nguyên mẫu số.

Ví dụ: $2 + \frac{3}{4} = \frac{8}{4} + \frac{3}{4} = \frac{8+3}{4} = \frac{11}{4}$

b. Tính chất cơ bản của phép cộng:

Áp dụng như đối với số tự nhiên (Đã nêu ở trên)

Dạng 3: Các bài toán về vận dụng tính chất chia hết của tổng hoặc hiệu.

Các tính chất thường sử dụng:

- Nếu mỗi số hạng của tổng chia hết cho 2 thì tổng của chúng cũng chia hết cho 2.

- Nếu số bị trừ và số trừ đều chia hết cho 2 thì hiệu của chúng cũng chia hết cho 2.

- Nếu một số hạng không chia hết cho 2 và các số hạng còn lại đều chia hết cho 2 thì tổng không chia hết cho 2.

- Hiệu giữa một số chia hết cho 2 và một số không chia hết cho 2 là một số không chia

hết cho 2.

Dạng 4: Các bài toán về phép chia có dư

Những tính chất cần lưu ý:

- Nếu a chia cho 2 dư 1 thì chữ số tận cùng của nó bằng 1, 3, 5, 7 hoặc 9.
- Nếu a chia cho 5 dư 1 thì chữ số tận cùng của nó bằng 1 hoặc 6; dư 2 thì bằng 2 hoặc 7; dư 3 thì bằng 3 hoặc 8; dư 4 thì bằng 4 hoặc 9.
- Nếu a và b có cùng số dư khi chia cho 2 thì hiệu của chúng chia hết cho 2.
- Tương tự trường hợp khi chia cho 3, 4, 5, hoặc 9.
- Nếu a chia cho b dư b - 1 thì a + 1 chia hết cho b.
- Nếu a chia cho b dư 1 thì a - 1 sẽ chia hết cho b.

Dạng 5: Các bài toán hình học

Ví dụ: Có 10 mẫu que lần lượt dài: 1cm, 2cm, 3cm, 4cm,....., 8cm, 9cm, 10cm. Hỏi có thể dùng cả 10 mẫu que đó để xếp thành một hình tam giác đều được không? (không được bỏ các mẫu que)

Dạng 6: Trò chơi – Toán vui

CHỦ ĐỀ: Ứng dụng phương pháp đồ thị để giải toán số học

Đồ thị của các bài toán dạng này có đỉnh là các số đã cho hoặc phải tìm, cạnh chỉ các phép toán, phép toán xuôi theo điều kiện của đề bài và phép toán ngược cần thực hiện để đi đến số cần tìm.

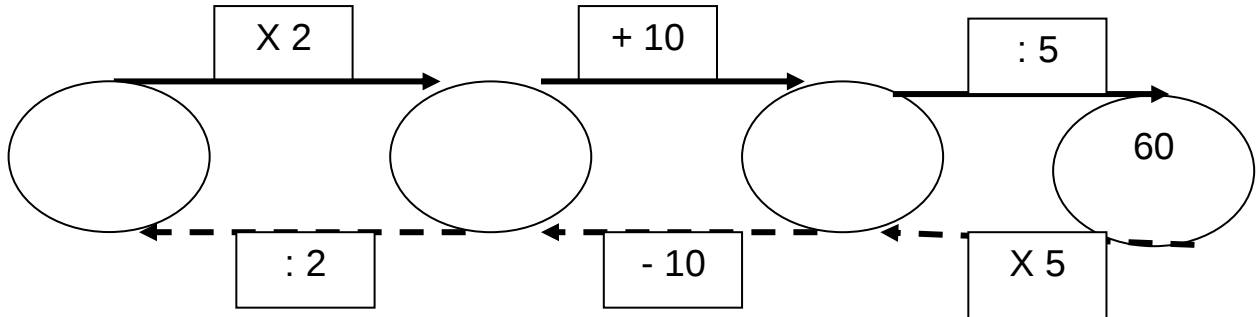
Ví dụ 1: Tìm một số biết rằng nhân số đó với 2 rồi cộng với 10 sau đó chia cho 5 được kết quả là 60

Hướng dẫn giải:

Theo đề bài ra ta thực hiện liên tiếp các phép tính sau với số cần tìm:

$(\text{Số đó} \times 2) + 10$ rồi $: 5$ cho kết quả cuối cùng là 60

Từ đó ta có sơ đồ sau:



Như vậy ta có thể xác định được số cần tìm bằng cách thực hiện liên tiếp các phép tính sau với 60 là $\times 5$; -10 ; $:2$

Vậy số cần tìm là: $(60 \times 5 - 10) : 2 = 145$

Đáp số: 145

6. Biện pháp 6: Biện pháp nêu gương:

Mỗi tuần ban tổ chức sẽ mở 1 vòng thi, tôi luôn bám vào kết quả mỗi vòng thi để biểu dương, khích lệ tinh thần thi đua của các em. Chẳng hạn: đưa kết quả thi lên nhóm zalo của lớp, thông báo cho các vị phụ huynh nắm bắt được kết quả thi của con em mình trong tuần đó, trong vòng thi đó. Bản thân tôi tiếp tục khích lệ các em: Bạn nào

STT	Họ tên	Xếp giải
	KHỐI 4	

1	Khối 04	4C	34	10	15	44,1		1	Hoàng Nguyên Giáp	Ba
2				9	10	29,5		2	Lê Thị Bảo Khánh	
3				8	6	17,6				
4				7	2	5,9				
5				6	1	2,9				
6				5						
7				<5	0					

2. Hiệu quả của sáng kiến:

2.1: Hiệu quả về khoa học:

Là một giáo viên trực tiếp giảng dạy, bản thân tôi luôn xác định rõ nâng cao chất lượng giảng dạy trong nhà trường là nhiệm vụ trọng tâm. Từ những kết quả đạt được nêu trên, tôi rút ra những hiệu quả về khoa học sau:

- Được nâng cao chất lượng học tập của học sinh
- Giáo viên nâng cao về trình độ chuyên môn nghề nghiệp, luôn luôn được nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy.
- Đồ dùng trực quan sử dụng có hiệu quả, không khí lớp học thoải mái.
- Hệ thống câu hỏi gợi ý phù hợp. Khích lệ HS hiểu sơ đồ trong dạy học giải toán điển hình....
- Mỗi dạng toán điển hình thường được giải theo một quy trình như một thuật toán nên cần giúp học sinh nắm chắc quy trình giải của từng dạng toán, phân biệt quy trình giải của các dạng toán điển hình. Từ đó khuyến khích học sinh tìm tòi các cách giải khác nhau và phát huy tính tích cực, sáng tạo của các em.
- Người giáo viên cũng được nâng cao trình độ về toán học thông qua nghiên cứu các tài liệu, thăm lớp dự giờ và các buổi hội thảo chuyên đề. Thường xuyên tiếp thu các ý kiến thiết thực. Từ đó nghiên cứu tìm ra những phương pháp giảng dạy hợp lý nhất.

2.2: Hiệu quả về Kinh tế:

Mỗi lần thực hiện, vận dụng vào thực tế lớp học tôi thấy đem lại nhiều lợi nhuận, đồng thời rút ra được một vài kinh nghiệm để giảm tải về kinh tế sau :

- Người giáo viên thực sự có lòng nhiệt tình say mê với nghề nghiệp, với lương tâm, trách nhiệm của người thầy.
- Mỗi biện pháp giáo dục của giáo viên được thực hiện đúng thời điểm, đúng nội dung ở từng bài học.
- Không nên quá phụ thuộc vào sách giáo viên, vì sách giáo viên chỉ là tài liệu hướng dẫn, tham khảo, không thể áp dụng đại trà với mọi đối tượng học sinh trong lớp được.

2.3: Hiệu quả về xã hội: Để khích lệ, đào tạo những thế hệ học sinh thực sự xứng đáng là chủ nhân tương lai của đất nước, giúp ích cho xã hội:

- Quan tâm, động viên, khuyến khích, giúp đỡ các em vượt qua mọi khó khăn để học tập tốt hơn.
- Điều quan trọng nữa là sự mềm mỏng, kiên trì uốn nắn học sinh trong từng tiết dạy.

- Trong từng tiết học, người giáo viên cũng tìm ra nhiều biện pháp, nhiều hình thức hoạt động học tập như : hoạt động nhóm, làm việc cá nhân,...
- Tổ chức các hình thức thi đua để các em có tinh thần phấn đấu, khen chê kịp thời và công bằng để động viên, khuyến khích học sinh.

C. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ SAU QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN SÁNG KIẾN

I. Tính khả thi:

Trong quá trình giảng dạy người giáo viên không được bằng lòng với những gì mình đã làm được mà luôn luôn tìm tòi, phát hiện ra những điều mới lạ, những sáng kiến hay. Từ đó, tôi đã xây dựng hệ thống bài tập từ dễ đến khó phù hợp với chương trình, phù hợp với từng đối tượng học sinh để giúp các em khắc phục những sai lầm, tháo gỡ khó khăn khi giải toán. Khi làm những bài tập đó, học sinh được rèn luyện kỹ năng phù hợp với môn học nên chất lượng dạy học được nâng cao hơn.

Để bồi dưỡng học sinh có năng khiếu như mong muốn là cả một quá trình người giáo viên rèn luyện, học tập, tích lũy. Nhưng để làm được điều này thì việc soạn bài và tổ chức các hoạt động cho học sinh là chủ yếu, giáo viên chỉ đóng vai trò hướng dẫn, là trọng tài khoa học cho các em kiểm chứng kết quả của mình. Với vai trò như thế, trình độ là khâu then chốt trong công tác soạn giảng lên lớp. Khi lập kế hoạch người giáo viên phải dự đoán trước được tình huống có thể xảy ra trong quá trình lên lớp. Phải xây dựng cho mình kế hoạch, hệ thống phương pháp thích hợp và những phương pháp thay thế hiệu quả nhất để khắc phục những sai lầm dù là nhỏ nhất. Đó cũng chính là cách người giáo viên tự khẳng định mình.

Tôi hy vọng với kinh nghiệm bản thân đã đúc kết được như trên sẽ phần nào giúp các đồng nghiệp dạy tốt hơn môn Toán và đặc biệt là rèn kỹ năng bồi dưỡng cho học sinh năng khiếu môn toán cho học sinh lớp 4 cũng như học sinh tiểu học.

II. Kinh phí: không đồng

III. Khuyến nghị:

- Các quan tâm hơn nữa về đời sống cũng như tinh thần để với giáo viên tiểu học, thành viên ban điều hành chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên các phòng ban, nhất là môn toán.

Trong quá trình thực hiện và viết sáng kiến không tránh khỏi sai sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý của bạn bè đồng nghiệp, của hội đồng khoa học để sáng kiến của tôi ngày càng hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn !

Tôi xin cam đoan sáng kiến trên là của tôi, do tôi nghiên cứu và thực hiện viết, không sao chép của người khác. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

Ba Vì, ngày 10 tháng 5 năm 2024

Người thực hiện

Nguyễn Thị Diễm

MINH CHỨNG 1

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN VIOEDU NĂM HỌC 2023-2024

- Họ và tên giáo viên: NGUYỄN THỊ DIỄN

- SĐT: 0394281657

- Tên trường đang công tác: TIỂU HỌC PHÚ PHƯƠNG- BA VÌ- HÀ NỘI.

ST T	Họ và tên học sinh	Tài khoản VioEdu	Gói cước (6/ 12)	Lớp	Môn	Số tiền
1	Hoàng Nguyên Giáp	pp3-0900	12 tháng	4C	Toán	720 000
2	Nguyễn Minh Ánh	pp3-0931	12 tháng	4C	Toán	720 000
3	Nguyễn Thị Thúy An	pp3- 0861	6 tháng	4C	Toán+ TV	960 000
4	Phạm Minh Anh	pp3-0929	6 tháng	4C	Toán + TV	960 000
5	Bùi Gia Bảo	pp3-0895	6 tháng	4C	Toán	480 000
6	Nguyễn Đức Bảo	pp3-0865	12 tháng	4C	Toán	720 000
7	Lê Thị Bảo Khánh	pp3-0942	6 tháng	4C	Toán	480 000
8	Nguyễn Tá Minh Khoa	pp3-0944	6 tháng	4C	Toán	480 000
9	Nguyễn Lê Lâm	pp3-0958	6 tháng	4C	Toán	480 000
10	Lê Khánh Ly	pp3-0946	6 tháng	4C	Toán	480 000
11	Phương Công Nghĩa	pp3-0884	6 tháng	4C	Toán + TV	960 000
12	Phạm Trịnh Khôi Nguyễn	pp3-0950	6 tháng	4C	Toán	480 000
13	Nguyễn Phương Thảo	pp3-0955	6 tháng	4C	Toán + TV	960 000
14	Nguyễn Thị Thu Trang	pp3-0954	6 tháng	4C	Toán	480 000
15	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	pp3-0913	6 tháng	4C	Toán + TV	960 000

GVC
N

Nguyễn Thị Diễn

⚡ THÔNG BÁO THỜI GIAN THI CẤP HUYỆN VÀ GỢI Ý CHỦ ĐỀ ÔN LUYỆN ⚡

Kính gửi các thầy cô,

Theo chỉ đạo chung của PGD, vòng chung kết cấp Huyện sẽ diễn ra vào ngày **05-06/04/2024**. BTC xin gửi tới thầy cô

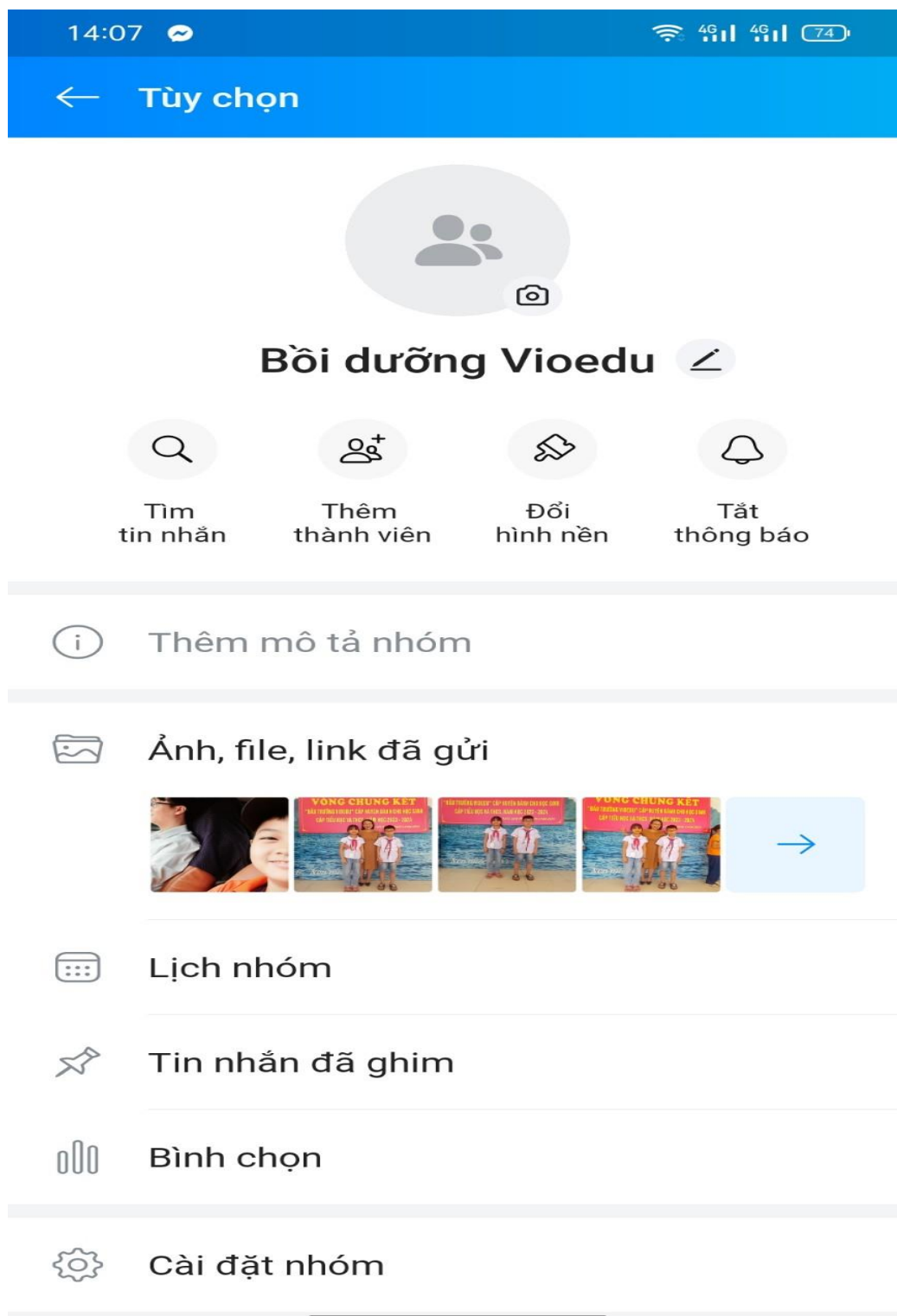
👉 **Lịch Thi và hướng dẫn cụ thể ở file đính kèm dưới đây**

👉 **Gợi ý chủ đề ôn luyện:** <https://docs.google.com/spreadsheets/d/11CSZE6Hlu1qICcwJUQaxJlxC-mdmli/edit#gid=602030551>

Gợi ý ôn cấp Huyện

Lớp 4	Chủ đề	Chủ điểm
TOÁN	Phép nhân	Nhân với số có tận cùng là chữ số 0
		Nhân với số có hai chữ số
	Số tự nhiên	Số tự nhiên. Đọc, viết số tự nhiên trong hệ thập phân
		So sánh và xếp thứ tự số tự nhiên mới
	Tính chất của phép nhân	Tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân
		Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng
	Phép cộng và phép trừ	Tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó
		Phép cộng các số có nhiều chữ số
		Phép trừ các số có nhiều chữ số
		Ôn tập phép cộng và phép trừ
	Đường thẳng vuông góc. Đường thẳng song song	Hai đường thẳng vuông góc
		Hai đường thẳng song song
	Một số đơn vị đo đại lượng	Giây
		Yến. Tạ. Tấn
		Thế kỉ
TOÁN TA	Addition and Subtraction	Addition and Subtraction whole numbers
		Properties of addition
		Find the numbers if their sum and difference are given

Lập nhóm bồi dưỡng Vioedu – miễn phí (Phụ huynh và GVCN)



MINH CHỨNG 3

Câu hỏi số 3

☐ Đang cân nhắc

Bạn hãy kéo đáp án vào ô trống để được câu trả lời đúng:

Trung bình cộng của 18
và 20



Trung bình cộng của 17
và 25



Trung bình cộng của 10
và 16



Danh sách đáp án

13

19

21

TRUNG BÌNH CỘNG

Câu hỏi số 11

☐ Đang cân nhắc

Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Lớp 4A có 16 học sinh nam và 4 học sinh nữ. Chiều cao trung bình của 16 học sinh nam là 148 *cm*.

Chiều cao trung bình của 4 học sinh nữ là 138 *cm*. Hỏi chiều cao trung bình của tất cả học sinh lớp 4A là bao nhiêu xăng-ti-mét?

☐ 138 *cm*

☐ 148 *cm*

☐ 146 *cm*

☐ 140 *cm*

DÃY SỐ ĐỀ 2

🔗 Câu hỏi số 1

☐ Đang cân nhắc

Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho dãy số sau: 336, 168, 84, 42, ... Số cuối cùng trong dãy trên là:

☐ 12

☐ 24

☐ 0

☐ 21

DÃY SỐ ĐỀ 2

🔗 Câu hỏi số 10

☐ Đang cân nhắc

Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho dãy số: 10; 20; 30; 40; ... Tổng số hạng thứ 3 và số hạng thứ 5 của dãy số đã cho là

☐ 80.

☐ 60.

☐ 90.

☐ 70.

DÃY SỐ ĐỀ 2

🔍 Câu hỏi số 20

🔍 Đang cân nhắc

Bạn hãy chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống.

Cho dãy số 1; 3; 12; 60; 360; ... gồm có 7 số hạng. Số hạng cuối cùng của dãy số là

Chọn

18 160.

20 160.

20 610.

MINH CHỨNG 4- DANH SÁCH XẾP HẠNG - VÒNG 1

STT	Tên đăng nhập	Họ tên	Tên trường	Tên Lớp	Quận / Huyện
36	pp3-0900	Hoàng Nguyên Giáp	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
23	pp3-0942	Lê Thị Bảo Khánh	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
42	pp3-0948	Lê Văn Mạnh	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
35	pp3-0931	Nguyễn Minh Ánh	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
2	pp3-0907	Phùng Ngọc Lan	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba

					Vì
20	pp3-0884	Phương Công Nghĩa	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
15	pp3-0913	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
45	pp3-0937	Lương Thục Hiền	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
33	pp3-0865	Nguyễn Đức Bảo	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
37	pp3-0932	Nguyễn Hà Chi	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
39	pp3-0894	Lê Thị Hoài Anh	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì
38	pp3-0893	Bùi Tuấn Anh	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì
43	pp3-0928	Nguyễn Quỳnh Anh	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
27	pp3-0929	Phạm Minh Anh	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
10	pp3-0951	Nịnh Phương Nhi	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
40	pp3-0938	Nguyễn Tá Minh Hiếu	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
16	pp3-0950	Phạm Trịnh Khôi Nguyên	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
3	pp3-0863	Phùng Hoàng Anh	Trường Tiểu học Phú Phương	4a	Huyện Ba Vì
46	pp3-0908	Nguyễn Lê Lâm	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
25	pp3-0888	Hoàng Tiến Quang	Trường Tiểu học Phú Phương	4a	Huyện Ba Vì
6	pp3-0899	Hoàng Văn Đăng	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì
47	pp3-0954	Đỗ Công Thành	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
14	pp3-0955	Nguyễn Phương Thảo	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
31	pp3-0861	Nguyễn Thị Thúy An	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
28	pp3-0877	Lê Chu Kiên	Trường Tiểu học Phú Phương	4a	Huyện Ba Vì
30	pp3-0897	Nguyễn Ngọc Diệp	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì
32	pp3-0876	Đỗ Anh Khoa	Trường Tiểu học Phú Phương	4a	Huyện Ba Vì

12	pp3-0957	Nguyễn Thị Thu Trang	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
44	pp3-0934	Hoàng Nguyễn Quốc Đại	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
21	pp3-0944	Nguyễn Tá Minh Khoa	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
26	pp3-0902	Nguyễn Phúc Hưng	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì
11	pp3-0952	Lê Duy Minh Phú	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
41	pp3-0895	Bùi Gia Bảo	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
1	pp3-0911	Phùng Thị Thảo My	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì
4	pp3-0925	Bùi Linh An	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
29	pp3-0883	Phùng Trung Nghĩa	Trường Tiểu học Phú Phương	4a	Huyện Ba Vì
17	pp3-1308	Đỗ Khánh Hưng	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
22	pp3-0946	Lê Khánh Ly	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
7	pp3-0867	Nguyễn Hoàng Minh Châu	Trường Tiểu học Phú Phương	4a	Huyện Ba Vì
19	pp3-0933	Lương Thanh Chúc	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
9	pp3-0881	Hoàng Thảo Linh	Trường Tiểu học Phú Phương	4a	Huyện Ba Vì
13	pp3-0945	Phạm Thành Lâm	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
8	pp3-0947	Nguyễn Khánh Ly	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
24	pp3-0935	Hoàng Anh Đào	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
34	pp3-0927	Nguyễn Đức Anh	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
18	pp3-0936	Nguyễn Hương Giang	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
5	pp3-0901	Nguyễn Mạnh Hùng	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì

MINH CHỨNG 4- DANH SÁCH XẾP HẠNG- VÒNG 4

STT	Tên đăng nhập	Họ tên	Tên trường	Tên Lớp	Quận / Huyện
1	pp3-0931	Nguyễn Minh Ánh	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
2	pp3-0905	Lê Minh Khôi	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì
3	pp3-0932	Nguyễn Hà Chi	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
4	pp3-0954	Đỗ Công Thành	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
5	pp3-0865	Nguyễn Đức Bảo	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
6	pp3-0913	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
7	pp3-0900	Hoàng Nguyên Giáp	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
8	pp3-0884	Phương Công Nghĩa	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
9	pp3-0929	Phạm Minh Anh	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
10	pp3-0942	Lê Thị Bảo Khánh	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
11	pp3-0955	Nguyễn Phương Thảo	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
12	pp3-0908	Nguyễn Lê Lâm	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
13	pp3-0894	Lê Thị Hoài Anh	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì
14	pp3-0863	Phùng Hoàng Anh	Trường Tiểu học Phú Phương	4a	Huyện Ba Vì
15	pp3-0957	Nguyễn Thị Thu Trang	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
16	pp3-0893	Bùi Tuấn Anh	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì
17	pp3-0944	Nguyễn Tá Minh Khoa	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
18	pp3-0925	Bùi Linh An	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
19	pp3-0950	Phạm Trịnh Khôi Nguyên	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
20	pp3-0861	Nguyễn Thị Thúy An	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
21	pp3-0888	Hoàng Tiến Quang	Trường Tiểu học Phú Phương	4a	Huyện Ba Vì
22	pp3-0876	Đỗ Anh Khoa	Trường Tiểu học Phú Phương	4a	Huyện Ba Vì
23	pp3-0933	Lương Thanh Chúc	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
24	pp3-0951	Nịnh Phương Nhi	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
25	pp3-0952	Lê Duy Minh Phú	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
26	pp3-0936	Nguyễn Hương Giang	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
27	pp3-0924	Hoàng Anh Tuấn	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì
28	pp3-0897	Nguyễn Ngọc Diệp	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì
29	pp3-0946	Lê Khánh Ly	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
30	pp3-0895	Bùi Gia Bảo	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì

31	pp3-0877	Lê Chu Kiên	Trường Tiểu học Phú Phương	4a	Huyện Ba Vì
32	pp3-0899	Hoàng Văn Đăng	Trường Tiểu học Phú Phương	4b	Huyện Ba Vì
33	pp3-1308	Đỗ Khánh Hưng	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
34	pp3-0935	Hoàng Anh Đào	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
35	pp3-0927	Nguyễn Đức Anh	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
36	pp3-0947	Nguyễn Khánh Ly	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
37	pp3-0945	Phạm Thành Lâm	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì
38	pp3-0934	Hoàng Nguyễn Quốc Đại	Trường Tiểu học Phú Phương	4c	Huyện Ba Vì